

Số: 361 /BVDL-KD
V/v mời chào giá cung cấp dịch vụ
thẩm định giá hóa chất xét nghiệm

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 06 năm 2024

Kính gửi: Các Công ty cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng kính mời các Công ty có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá hóa chất xét nghiệm của bệnh viện, cụ thể như sau:


- Tên tài sản thẩm định giá: Các mặt hàng theo chi tiết Phụ lục đính kèm.
- Mục đích thẩm định giá: làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.
- Đơn vị nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại liên hệ: 0236.3757567 vào giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.
- Thời gian nhận báo giá: Từ ngày phát hành thông báo chào giá đến **trước 16 giờ ngày 19 tháng 6 năm 2024.**

Lưu ý: Hồ sơ chào giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung **tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá hàng hóa đặc thù của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng** để theo dõi. Người tham dự chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ và ký tên khi nộp hồ sơ. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá và các Đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Công ty. / *Ula hnh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng trên Website;
- Lưu: VT, KD.


GIÁM ĐỐC
Kim Văn Hùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MỜI DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ
 (Đính kèm Thư mời chào giá số 361 /BVDL-KD ngày 14 tháng 06 năm 2024
 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hóa chất xét nghiệm huyết học			
1	Dung dịch pha loãng mẫu	- Mục đích: pha loãng máu toàn phần để đo các thành phần tế bào máu - Thành phần chính: + Sodium chloride < 0.9% + Potassium chloride < 0.06% + Đệm (Buffer) < 0.3% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.1% - Dung tích ≥ 20L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Thùng	57
2	Dung dịch đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	- Mục đích: đo 3 thành phần bạch cầu Trung tính, lympho, mono trong máu -Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1.5% + Đệm (Buffer) < 2.0% + Chất bảo quản (Preservative) < 1.5% + Thuốc nhuộm (Dye) < 1.0% - Dung tích ≥ 1L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Chai	57
3	Dung dịch đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	- Mục đích: đo 2 thành phần bạch cầu Eosin, baso trong máu - Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 0.5% + Đệm (Buffer) < 0.6% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.7% - Dung tích ≥ 500ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Chai	34



4	Dung dịch đo Hemoglobin trong máu toàn phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: đo hemoglobin trong máu - Thành phần chính: <ul style="list-style-type: none"> + Chất tẩy rửa (Detergent) < 4.0% + Đệm (Buffer) < 1.0% - Dung tích $\geq 500\text{ml}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Chai	34
5	Máu nội kiểm huyết học 5 thành phần	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Máu nội kiểm huyết học - Thành phần chính: máu toàn phần (người/động vật) có giá trị tham chiếu - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5 	Lọ	6
II	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa			
1	Hóa chất Định lượng Albumin [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Albumin trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng bromocresol green. - Dải đo: D12 từ ≤ 1 đến $\geq 60 \text{ g/L}$ - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích $\geq 120 \text{ ml}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hoá chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	2
2	Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA). - Dải đo: từ $\leq 1,71$ đến $\geq 154 \mu\text{mol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích $\geq 55,5 \text{ ml}$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex 	Hộp	4

		BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)		
3	Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA). - Dải đo: từ ≤ 1.71 đến $\geq 428\mu\text{mol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 66,9$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	4
4	Hóa chất Định lượng Creatinin (máu)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Creatinine trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học không khử protein (Jaffé). - Dải đo: từ ≤ 9 đến $\geq 1326 \mu\text{mol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích ≥ 267 ml howacj tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	10
5	Hóa chất Định lượng Calci toàn phần (máu)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Calcium trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang, điềm cuối với Phosphonazo III. - Dải đo : từ ≤ 0.025 đến ≥ 5 mmol/l - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 66,9$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy 	Hộp	2

		nhận dạng/lo hóa chất đặt được vào khay thử của máy)		
6	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo CHOD-PAP - Dải đo: từ ≤ 0.026 đến ≥ 19.4 mmol/l <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: gồm R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích $\geq 126,8$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lo hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lo hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	10
7	Hóa chất Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Gamma-glutamyltransferase trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo Szasz chuẩn hoá IFCC - Dải đo: từ ≤ 0.3 đến ≥ 1200 U/l <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích $\geq 55,5$ ml hoặc tương đương - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lo hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lo hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	56
8	Hóa chất định lượng Glucose [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Glucose trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV sử dụng hexokinase - Dải đo: từ ≤ 0.056 đến ≥ 47.2 mmol/l <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích $\geq 95,8$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex 	Hộp	20

		BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)		
9	Hóa chất Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng ASAT (GOT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC - Dải đo: từ ≤ 2 đến ≥ 600 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Dung tích $\geq 59,7$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	75
10	Hóa chất Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng ALT (GPT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC - Dải đo: từ ≤ 3 đến ≥ 600 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 59,7$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	75
11	Hóa chất Định lượng Urê máu [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Urea trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV theo Urease – GLDH - Dải đo: từ ≤ 0.167 đến ≥ 50.0 mmol/L - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 77,1$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy 	Hộp	30

		nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)		
12	Hóa chất Định lượng Triglycerides [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Triglycerides trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: So màu enzym UV sử dụng glycerol-3-phosphate-oxidase - Dải đo : từ ≤ 0.023 đến ≥ 11.3 mmol/L <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: gồm R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 126,8$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	8
13	Hóa chất định lượng Protein toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: Đo quang theo Phương pháp biuret <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: từ ≤ 0.1 đến ≥ 150 g/L - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích $\geq 66,9$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	3
14	Hóa chất Định lượng Acid Uric [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Uric Acid trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang enzymatic sử dụng TOOS <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo : từ ≤ 3.0 đến ≥ 1190 $\mu\text{mol/L}$ - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 70,5$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy 	Hộp	3

		nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy)		
15	Hóa chất Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Cholesterol Lipoprotein mật độ cao trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Ngưng kết miễn dịch và phản ứng enzymatic - Dải đo : từ ≤ 0.013 đến ≥ 3.4 mmol/L <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Dung tích $\geq 76,2$ ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 (lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng/lọ hóa chất đặt được vào khay thử của máy) 	Hộp	10
16	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính acid	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Oxalic acid - Dung tích ≥ 500 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010. 	Hộp	5
17	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính kiềm	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Ethanol amine - Dung tích ≥ 500 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010. 	Hộp	5

18	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh HDL-Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: hiệu chuẩn thử nghiệm hóa sinh định lượng các lipid - Dung tích ≥ 6 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 	Hộp	2
19	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: hiệu chuẩn thử nghiệm hóa sinh - Dung tích ≥ 18 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 	Hộp	3
20	Hóa chất nội kiểm mức Bình thường cho các thử nghiệm hóa sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bình thường - Dung tích ≥ 30 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 	Hộp	4
21	Hóa chất nội kiểm mức Cao cho các thử nghiệm hóa sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hóa mức bất thường (bệnh lý) - Dung tích ≥ 30 ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010 	Hộp	4
III	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR			

1	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: tách chiết DNA/RNA - Phương pháp: Tách cột Silica - Phương thức: tách thủ công - Dùng cho mẫu: tế bào nuôi cấy, vi khuẩn, tế bào người, mẫu mô - Thành phần hoá chất không chứa Phenol/Chloroform - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Test	1,500
2	Bộ kit định tính HPV	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Human Papilloma Virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng âm, chứng dương, chứng nội, PCR tube - Độ nhạy ≤ 10 copies/ phản ứng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	1,000
3	Bộ kit định tính và định type HSV1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính và định type Herpes simplex virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, chứng nội, chất hiệu chuẩn. - Loại mẫu: Dịch cơ thể, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	100
4	Bộ kit định tính Neisseria gonorrhoeae	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Neisseria gonorrhoeae - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Neisseria gonorrhoeae rPCR mix, chứng nội, chứng dương - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Phù hợp với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	100

5	Bộ kit định tính Chlamydia trachomatis	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Chlamydia trachomatis - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Chlamydia trachomatis rPCR mix, chứng nội, chứng dương - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	100
6	Bộ kit định type HPV	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện các genotype của virus HPV - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ lai phân tử - Thành phần hoá chất: màng lai và các hoá chất đi kèm. - Loại mẫu: sản phẩm sau PCR, dương tính với HPV - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Test	100
IV	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán giang mai			
1	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Giang mai (Treponema pallidum test nhanh)	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Phát hiện kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: sắc ký miễn dịch - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong 1 túi nhôm - Độ nhạy tương đối: >99.2 % - Độ đặc hiệu tương đối: >99.4 %. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Test	4,500
2	RPR - Carbon	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Bán định lượng kháng thể không đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: $\geq 80\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Đóng gói: Thuốc thử, chứng âm, chứng dương. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Test	7,000

3	TPHA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Bán định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: $\geq 99.6\%$ - Độ đặc hiệu: 100% - Đóng gói: Dung dịch pha loãng, chứng âm, chứng dương, Control cell, test cell - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p style="text-align: center;">Hoặc tương đương</p>	Test	5,000
V	Hóa chất ELISA			
1	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng nhân ANA IgG	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính các kháng thể IgG kháng kháng nguyên nhân trong huyết thanh và huyết tương bằng phương pháp Elisa. - Thành phần bộ xét nghiệm: + Khay vi giếng được phủ bởi các kháng nguyên dsDNA, histone, SSA, SSB, Sm, Sm/RNP, Scl-70, Jo-1, centromere và các kháng nguyên khác được tách chiết từ nhân Hep-2, Chứng âm, Chứng dương, Đệm rửa đậm đặc, Enzyme liên hợp, Chất tạo màu/ Cơ chất, Axit Sulphuric, Dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Độ ổn định: ổn định ở 2-8°C trong ≥ 12 tháng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p style="text-align: center;">Hoặc tương đương</p>	Hộp	2
2	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng chuỗi kép IgG anti dsDNA	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định lượng kháng thể IgG kháng ds DNA trong huyết tương và huyết thanh người bằng phương pháp Elisa - Thành phần bộ xét nghiệm: + Khay vi giếng: được phủ bởi Plasmid tái tổ hợp dsDNA có trong các protein bò + Bộ chất dựng đường cong chuẩn, Dung dịch đệm rửa đậm đặc, Enzyme liên hợp, Chất tạo màu/ Cơ chất, Axit Sulphuric, Dung dịch pha loãng mẫu, Tấm dán khay - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Độ nhạy: $\geq 98\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Độ ổn định: ổn định ở 2-8°C trong ≥ 12 tháng - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 <p style="text-align: center;">Hoặc tương đương</p>	Hộp	2

3	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun lợn	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: phát hiện kháng thể kháng giun lợn - Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Hộp	3
4	Hoá chất phát hiện kháng thể kháng giun đũa chó mèo	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Xét nghiệm miễn dịch enzyme để xác định định tính kháng thể IgG kháng lại Toxocara trong huyết thanh người bằng phương pháp ELISA - Thành phần thuốc thử tối thiểu gồm có: Mẫu chứng dương, mẫu chứng âm, Protein-A HRP Conjugate, khay phản ứng, dung dịch pha loãng, dung dịch rửa, cơ chất TMB, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 87\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 93\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Hộp	3
5	Bộ xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	<ul style="list-style-type: none"> Mục đích : Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. - Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng. - Quy cách: Hộp ≥ 96 giếng có thể bẻ rời - Mẫu phân tích: huyết thanh/ huyết tương <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 93\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Hoặc tương đương 	Hộp	3
VI	Hóa chất dị nguyên			

1	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Bán định lượng kháng thể IgE đặc hiệu cho các dị nguyên hô hấp, dị nguyên thức ăn, dị nguyên tiếp xúc - Mẫu phân tích: Huyết thanh/huyết tương <ul style="list-style-type: none"> - Các tác nhân phát hiện: ≥ 30 - Thành phần thuốc thử: Pette phản ứng và hoá chất đi kèm. - Phù hợp cho máy CLA-1 Luminometer - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Hoặc tương đương 	Hộp	30
	Tổng cộng: 41 mặt hàng			



